

Bản án số: 254/2019/DS-ST

Ngày: 22-7-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Linh Chi

2. Bà Lê Thị Diệu Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Toà án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2223/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2483/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 266 đường N, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1278/2018/UQ-TTT ngày 14/8/2018).

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Quốc A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 01A đường P, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/11/2010, ông Đỗ Quốc A có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S và được Ngân hàng TMCP S đồng ý. Ngày 20/11/2010,

Ngân hàng TMCP S phát hành thẻ tín dụng số thẻ: 4720 7400 0076 0043, loại thẻ cá nhân với hình thức tín chấp cho ông Đỗ Quốc A, với hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đỗ Quốc A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 36.468.520 đồng. Tính đến ngày 15/9/2011 ông Đỗ Quốc A đã thanh toán được 17.233.500 đồng (Cụ thể: Văn bản tóm tắt sao kê ngày 22/7/2019 do Ngân hàng TMCP S lập).

Kể từ ngày 15/10/2011, ông Đỗ Quốc A bắt đầu chậm thanh toán. Ngân hàng TMCP S đã gửi thông báo ngày 20/10/2011 và ngày 20/11/2011 về việc ông Đỗ Quốc A đã vi phạm điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và yêu cầu thanh toán đầy đủ các khoản còn nợ nhưng ông Đỗ Quốc A không trả.

Nay, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Đỗ Quốc A phải trả ngay tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22/07/2019 là 107.981.819 (Một trăm lẻ bảy triệu, chín trăm tám mươi một nghìn, tám trăm mười chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 27.330.974 đồng
- Lãi quá hạn: 80.650.845 đồng

Và ông Đỗ Quốc A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/7/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong Hợp đồng.

* Ông Đỗ Quốc A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gửi cho tòa, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tổng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự khi tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Quận 1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn là buộc ông Đỗ Quốc A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 107.981.819 đồng, bao gồm: Nợ gốc 27.330.974 đồng, lãi quá hạn 80.650.845 đồng. Ông Đỗ Quốc A có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/07/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp việc sử dụng thẻ tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Đại diện nguyên đơn ông Trần Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, các biên bản không tiền hành hòa giải được, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/11/2010 có chữ ký của ông Đỗ Quốc A và xác nhận của Ngân hàng TMCP S, xác nhận phát hành thẻ tín dụng ngày 20/11/2010 có cam kết của người sử dụng thẻ là ông Đỗ Quốc A, bảng chi tiết sử dụng và tính lãi thẻ tín dụng, các bản sao kê tài khoản thẻ tín dụng, các thông báo nợ thẻ tín dụng, thông báo nhắc nợ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để khẳng định: Ngày 10/11/2010, ông Đỗ Quốc A có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và được Ngân hàng TMCP S chấp nhận phát hành thẻ vào ngày 20/11/2010 với hạn mức tín dụng 25.000.000 đồng.

Ngày 20/11/2010, Ngân hàng TMCP S phát hành thẻ tín dụng số 4720 7400 0076 0043 loại thẻ cá nhân với hình thức tín chấp cho ông Đỗ Quốc A. Sau một thời gian sử dụng thẻ, ông Đỗ Quốc A bắt đầu chậm thanh toán sao kê thẻ trên. Ngân hàng TMCP S đã nhiều lần thông báo nhưng ông Đỗ Quốc A không trả. Tính đến ngày 22/7/2019, ông Đỗ Quốc A còn nợ Ngân hàng TMCP S là 107.981.819 đồng, bao gồm: Nợ gốc 27.330.974 đồng; Lãi quá hạn là 80.650.845 đồng. Như vậy, ông Đỗ Quốc A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo bản các điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà hai bên đã ký kết.

Xét về tiền lãi, tại Điều 22 trong Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế các bên thỏa thuận là: Lãi suất cho vay được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau, Ngân hàng TMCP S có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ. Ngân hàng TMCP S ban hành Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành thẻ tín dụng quốc tế với mức lãi suất 2.15%/tháng, áp dụng kể từ ngày 06/7/2011. Việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về tiền lãi là có cơ sở.

Quá trình giải quyết tại Tòa, ông Đỗ Quốc A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng vẫn không có ý kiến gì về nội dung vụ việc.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về nợ gốc, lãi quá hạn là có căn cứ, nên buộc ông Đỗ Quốc A phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số nợ nêu trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đỗ Quốc A tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kèm theo ngày 10/11/2010 kể từ ngày 23/7/2019 cho đến khi trả hết số nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 107.981.819 đồng là 5.399.091 (Năm triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, không trăm chín mươi một) đồng. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.429.975 (Hai triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi lăm) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0007157 ngày 22/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Đỗ Quốc A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền còn nợ là 107.981.819 đồng, bao gồm: Nợ gốc 27.330.974 đồng; Lãi quá hạn là 80.650.845 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Quốc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.399.091 (Năm triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, không trăm chín mươi một) đồng. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.429.975 (Hai triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi lăm) đồng theo Biên lai thu số 0007157 ngày 22/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Phúc Hảo